

**NGHỊ QUYẾT**  
**VỀ VIỆC GIAO CHỈ TIÊU BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN DÂN**  
**giai đoạn 2023 – 2025.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN**  
**KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;*

*Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu thực hiện độ bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 1584/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An về việc đề nghị phê chuẩn chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2023 - 2025 thành phố Dĩ An, Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2023 - 2025 với những nội dung chính như sau:

**I. Chỉ tiêu bao phủ Bảo hiểm y tế giai đoạn 2023-2025**

- Năm 2023 đạt 91,8% / tổng dân số thành phố
- Năm 2024 đạt 93,05% / tổng dân số thành phố
- Năm 2025 đạt 94,73% / tổng dân số thành phố

*(Đính kèm phụ lục 01 về chỉ tiêu bảo hiểm y tế các phường)*

## II. Một số giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp và tham gia của cả hệ thống chính trị từ thành phố tới các phường trong việc thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật, các mục tiêu, kế hoạch về bảo hiểm y tế giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn thành phố Dĩ An.

2. Các cơ quan, đơn vị phải thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, đây là nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo sức khỏe cộng đồng, thực hiện mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và các phường có trách nhiệm trong việc tuyên truyền các chính sách về bảo hiểm y tế tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

4. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi cho người có thẻ bảo hiểm y tế.

5. Xây dựng và củng cố mạng lưới đại lý thu bảo hiểm y tế trên địa bàn, gắn với trách nhiệm của bảo hiểm xã hội thành phố và Bưu điện thành phố Dĩ An trong việc quản lý cá nhân, đơn vị ký hợp đồng làm đại lý thu bảo hiểm y tế.

6. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Dĩ An (khóa XII), kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Thành ủy,
- TT HĐND, TT UBND;
- UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các đơn vị liên quan;
- TT.HĐND, UBND các phường;
- UBMTTQVN các phường;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Ngô Ngọc Diệp**

**GIAO CHỈ TIÊU BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN DÂN CHO CÁC PHƯỜNG  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ DĨ AN  
Giai đoạn 2023 -2025**

STT	Địa bàn	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Dự báo dân số (người)	Chỉ tiêu tham gia BHYT (người)	Tỷ lệ bao phủ (%)	Dự báo dân số (người)	Chỉ tiêu tham gia BHYT (người)	Tỷ lệ bao phủ (%)	Dự báo dân số (người)	Chỉ tiêu tham gia BHYT (người)	Tỷ lệ bao phủ (%)
1	Phường Dĩ An	101.283	93.179	92,00	110.877	103.204	93,08	112.762	107.011	94,90
2	Phường Tân Đông Hiệp	133.853	123.009	91,90	146.529	136.375	93,07	149.020	141.420	94,90
3	Phường Tân Bình	56.147	51.485	91,70	61.465	57.199	93,06	62.510	59.134	94,60
4	Phường Đông Hòa	76.006	69.772	91,80	83.203	77.420	93,05	84.617	80.132	94,70
5	Phường Bình An	32.854	30.061	91,50	35.965	33.458	93,03	36.576	34.637	94,70
6	Phường Bình Thắng	18.226	16.695	91,60	19.951	18.556	93,01	20.290	19.133	94,30
7	Phường An Bình	69.082	63.278	91,60	76.167	70.843	93,01	77.462	73.124	94,40
<b>Tổng cộng</b>		<b>487.451</b>	<b>447.479</b>	<b>91,80</b>	<b>534.157</b>	<b>497.055</b>	<b>93,05</b>	<b>543.237</b>	<b>514.591</b>	<b>94,73</b>